TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 204/2022/KDTM-ST
Ngày 14-12-2022
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Ngọc Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Kim Yến

2. Ông Nguyễn Xuân Thảo

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Dương Thị Ngọc Lữ – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Võ Ngọc Liên Hương – Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 12 năm 2022 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2022/TLST-KDTM ngày 18 tháng 4 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 448/2022/QĐXXST-KDTM ngày 22 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần N

Trụ sở: Đường số 2, KCN Lợi Bình Nhơn, xã Lợi Bình Nhơn, Thành phố Tân An, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Việt C – Chức vụ : Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lã Văn H, sinh năm 1951, địa chỉ liên hệ: đường N, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

Bị đơn: Công ty TNHH X

Trụ sở: đường P, phường H , quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật : Bà Huỳnh Hà M, sinh năm 1987; Chức vụ: Giám đốc; địa chỉ cư trú: đường N, phường H, quận H, Thành phố Đà Nẵng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11 tháng 02 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn Công ty Cổ phần N có người đại diện hợp pháp là Ông Lã Văn H trình bày:

Ngày 30/8/2019 Công ty Cổ phần N (sau đây viết tắt là công ty N) ký Hợp đồng kinh tế số TS/2T/01/19.08/10 ngày 30/8/2019 với Công ty TNHH X (sau đây viết tắt là công ty X) để cung cấp bê tông thương phẩm cho công trình Khu nhà ở thương mại Cát Tường Phú Tâm – Tân An 1, địa điểm Trần Văn Hỷ, Phường 2, Thành phố Tân An, tỉnh Long An.

Từ tháng 09/2019 đến 31/5/2020, công ty N đã cung cấp cho công ty X bê tông thương phẩm và dịch vụ bơm tổng cộng 710,5m3 và đã xuất 08 hóa đơn giá trị gia tăng (0001475 ngày 16/9/2019, 0001540 ngày 30/9/2019, 0001579 ngày 05/10/2019, 0001599 ngày 14/10/2019, 0001678 ngày 31/10/2019, 0002111 ngày 15/02/2020, 0002463 ngày 19/5/2020, 0002493 ngày 31/5/2020) với tổng giá trị 964.055.000 đồng. Công ty X đã nhận đầy đủ bê tông và hóa đơn, không thắc mắc về khối lượng cũng như chất lượng hàng hóa. Công ty X đã thanh toán nhiều đợt cho công ty N với tổng số tiền 528.810.000 đồng và còn nợ lại 435.245.000 đồng. Hai bên đã có biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/5/2020, công ty N nhiều lần liên hệ đề nghị thanh toán nhưng công ty X vẫn cố tình kéo dài không thanh toán, vi phạm thỏa thuận tại hợp đồng đã ký và vi phạm quyền và lợi ích của công ty N.

Công ty N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn Công ty X phải thanh toán số tiền nợ gốc 435.245.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường theo Điều 306 Luật Thương mại năm 2005.

Bị đơn Công ty TNHH X vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ.

Tại phiên tòa hôm nay,

Ông Lã Văn H là người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn vẫn giữ yêu khởi kiện, yêu cầu Bị đơn thanh toán khoản nợ gốc là 435.245.000 đồng và lãi chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình liên ngân hàng tại thời điểm tháng 12 năm 2022 là 10,5%/năm trên số tiền chậm trả đến ngày trả hết nợ, tạm tính từ ngày 31/5/2020 đến ngày 14/12/2022 là 114.251.812 đồng (435.245.000 đồng x 10,5%/năm x 30 tháng). Tổng cộng nợ gốc và lãi là 549.496.812 đồng. Yêu cầu Bị đơn thanh toán một lần ngay khi bản án của Tòa có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn Công ty TNHH X vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp.

- Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: Nguyên tắc xét xử, thành phần

Hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, sự có mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên Tòa.

- Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- *Về quan hệ tranh chấp:* Công ty N có đơn khởi kiện Công ty X yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc và tiền lãi chậm trả do vi phạm hợp đồng cung cấp bê tông thương phẩm nên quan hệ tranh chấp được xác định là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá.

- *Về thẩm quyền giải quyết:* Công ty X có địa chỉ trụ sở tại quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì công ty N có đơn khởi kiện Công ty X tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp quy định của pháp luật về thẩm quyền.

- *Về việc tham gia phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình:* Trong vụ án này, Tòa án có thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:* Nguyên đơn Công ty Cổ phần N do Ông Lã Văn H là người đại diện theo ủy quyền có mặt.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ Bị đơn Công ty X đến Tòa án để tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên toà xét xử vụ án nhưng Bị đơn vắng mặt không có lý do.

Căn cứ vào Điều 207, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt Bị đơn.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Xét yêu cầu của Nguyên đơn buộc Bị đơn thanh toán khoản nợ gốc còn lại là 435.245.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ Hợp đồng kinh tế số TS/2T/01/19.08/10 ngày 30/8/2019 được ký kết giữa Công ty Cổ phần N và Công ty TNHH X thì giữa Nguyên đơn và Bị đơn đã giao kết hợp đồng mua bán hàng hoá.

Căn cứ vào 08 hóa đơn giá trị gia tăng (0001475 ngày 16/9/2019, 0001540 ngày 30/9/2019, 0001579 ngày 05/10/2019, 0001599 ngày 14/10/2019, 0001678 ngày 31/10/2019, 0002111 ngày 15/02/2020, 0002463 ngày 19/5/2020, 0002493 ngày 31/5/2020), bảng tổng hợp khối lượng cung cấp bê tông, biên bản đối chiếu

công nợ thể hiện Công ty N cung cấp cho Công ty X hàng hóa là bê tông thương phẩm để thực hiện công trình Khu nhà ở thương mại Cát Tường Phú Tâm – Tân An 1, địa điểm Trần Văn Hỷ, Phường 2, Thành phố Tân An, tỉnh Long An, giá trị hàng hoá đã giao là 964.055.000 đồng, phía công ty X đã thanh toán số tiền là 528.810.000 đồng, còn nợ lại là 435.245.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập Bị đơn để làm rõ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn nhưng phía Bị đơn đều vắng mặt, không cung cấp thêm chứng cứ, tài liệu khác thể hiện đã thực hiện thanh toán đầy đủ cho Nguyên đơn.

Do Bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Bị đơn thanh toán tiền mua hàng hoá là có cơ sở. Căn cứ Điều 50 của Luật Thương mại năm 2005 Bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền mua hàng hoá còn thiếu cho nguyên đơn, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của Nguyên đơn cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ có cơ sở chấp nhận yêu cầu Nguyên đơn.

Xét yêu cầu của Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn thanh toán số tiền lãi do chậm thanh toán là 114.251.812 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định tại khoản 2.2.6 Điều 2 của Hợp đồng kinh tế số TS/2T/01/19.08/10 ngày 30/8/2019 hai bên thoả thuận trường hợp chậm thanh toán, việc bồi thường thiệt hại lãi suất chậm thanh toán là 0,1%/ngày trên số tiền trả chậm. Tuy nhiên, phía Nguyên đơn yêu cầu tính lãi do Bị đơn chậm thanh toán theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại 2005, theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của 3 ngân hàng công bố tại thời điểm tháng 12 năm 2022 (Vietinbank 12%, Vietcombank 10,5%, Agribank 9%) là 10,5%/năm.

Xét Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn thanh toán tiền lãi suất do chậm thanh toán tính từ ngày 31/5/2020 đến ngày 14/12/2022 là 114.251.812 đồng (435.245.000 đồng x 10,5%/năm x 30 tháng) theo mức lãi suất 10,5%/năm là có lợi cho phía Bị đơn và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc Bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho Nguyên đơn số tiền lãi 114.251.812 đồng.

Từ những nhận định trên, căn cứ các Điều 24, 50, 306 Luật thương mại 2005, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn, buộc Bị đơn thanh toán cho Nguyên đơn số tiền nợ gốc 435.245.000 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán là 114.251.812 đồng, tổng cộng là 549.496.812 đồng.

- *Về thời hạn thanh toán:* Nguyên đơn đề nghị Bị đơn thanh toán một lần số tiền 549.496.812 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy là phù hợp nên chấp nhận.

[3] Về ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh: Yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp theo quy định pháp luật, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là đúng quy định pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu của Nguyên đơn, được Tòa án chấp nhận toàn bộ, theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; Điều 207; Điều 227; Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào các Điều 24, 50, 55, 306 Luật Thương mại;

- Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Công ty Cổ phần N.

Bị đơn Công ty TNHH X có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần N số tiền 549.496.812 (Năm trăm bốn mươi chín triệu bốn trăm chín mươi sáu ngàn tám trăm mười hai) đồng, thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 15/12/2022 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH X phải chịu 25.979.872 (Hai mươi lăm triệu chín trăm bảy mươi chín ngàn tám trăm bảy mươi hai) đồng.

Hoàn lại cho Công ty Cổ phần N số tiền 12.946.400 (Mười hai triệu chín trăm bốn mươi sáu ngàn bốn trăm) đồng là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0031198 ngày 01/04/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện

kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND QTB;
- CCTHADS QTB;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (…).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Ngọc Tâm